TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2026/HS-ST
Ngày 13-8-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Tuấn Vĩnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Diện và bà Hoàng Thị Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chúng Minh Duẩn - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Quan Thị Tuyến - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 24/2026/TLST-HS ngày 18 tháng 6 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2026/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 7 năm 2026 của Toà án nhân dân khu vực 5 – Tuyên Quang đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh ngày 28 tháng 01 năm 1983 tại xã B, tỉnh Tuyên Quang. Nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã T, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lái xe; Căn cước công dân số 002083006506 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C cấp ngày 09/5/2021; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Minh T1 và bà Nguyễn Thị Đ; có vợ là Phù Thị D, sinh năm 1987 (đã ly hôn năm 2008) và Giàng Thị P, sinh năm 1991 (đã ly hôn năm 2024), có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: tốt; bị cáo hiện đang được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Bị hại:* Ông Tráng Văn Đ1, sinh năm 1950; nơi cư trú: Thôn T, xã Q, tỉnh Tuyên Quang (đã chết).

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại Tráng Văn Đ1:* Ông Tráng Văn M, sinh năm 1979 (là con đẻ của bị hại); nơi cư trú: Thôn T, xã Q, tỉnh Tuyên Quang; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Công ty Cổ phần D1; người được uỷ quyền ông Vũ Tuấn A, sinh năm 1998, nơi cư trú: Tổ D T, phường H, tỉnh Tuyên Quang (theo giấy uỷ quyền số 1612.2/2025/GUQ-GSM-JSC ngày 16/12/2025); vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Phàn Văn V, sinh năm 1992; vắng mặt.

+ Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1992; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 31 phút, ngày 23/11/2025, Nguyễn Văn T điều khiển xe ô tô taxi Xanh biển kiểm soát 23H-017.15 trên đường Q, theo hướng N - B, khi đi đến Km 18 + 500 Quốc lộ B, thuộc thôn T, xã Q, tỉnh Tuyên Quang, Nguyễn Văn T nhìn thấy Tráng Văn Đ1 cách 26,70m đang đi bộ sang đường, theo hướng từ phải sang trái trên lòng đường cách mép đường bên phải hướng Q - Bắc Quang 0,20m, lúc này có một xe ô tô tải di chuyển theo hướng ngược chiều với xe ô tô của Nguyễn Văn T, sau khi đi qua xe ô tô tải ở hướng ngược chiều, T nhìn qua gương quan sát xem xe ô tô của T đã vượt khỏi thân xe tải đi ngược chiều hay chưa nên không quan sát thấy ông Tráng Văn Đ1 đang đi bộ sang đường, do đó T không nhấn phanh, giảm tốc độ mà tiếp tục di chuyển với tốc độ 66km/h, khi di chuyển đến vị trí cách Tráng Văn Đ1 2,86m, cách lề đường chuẩn 2,0m, T mới đánh lái sang phần đường bên trái hướng N - B, do khoảng cách gần nên phần đầu bên phải của xe ô tô Biển kiểm soát 23H-017.15 va chạm trực tiếp với Tráng Văn Đ1, làm Đổi ngã văng xuống đường cách điểm va chạm 11,20m. Hậu quả, Tráng Văn Đ1 bị thương được đưa đến Bệnh viện Đ2, tỉnh Tuyên Quang để cấp cứu sau đó chuyển Bệnh viện Đ3 để điều trị đến ngày 15/12/2025 thì tử vong, xe ô tô biển kiểm soát 23H-017.15 bị thiệt hại 3.050.000 đồng

Ngày 23/11/2025 Phòng C1 Công an tỉnh T đã tiến hành kiểm tra nồng độ cồn, xét nghiệm chất ma túy đối với Nguyễn Văn T và xem xét dấu vết trên thân thể. Kết quả kiểm tra nồng độ cồn: 0,000mg/L; kết quả test nhanh ma túy trong nước tiểu: âm tính; kết quả xem xét thân thể của Nguyễn Văn T2: không có thương tích.

Phòng C1 Công an tỉnh T đã tiến hành kiểm tra nồng độ cồn và xem xét dấu vết trên thân thể của ông Tráng Văn Đ1. Kết quả kiểm tra nồng độ cồn: 0,000mg/L; kết quả kiểm tra dấu vết thân thể của Tráng Văn Đ1 có vết rách ở trán dài khoảng 10cm, mắt bầm tím, gãy cẳng chân (có vết thương hở, lộ xương). Kết quả chụp: gãy phức tạp hai xương cẳng chân trái, hình ảnh các ổ đụng dập tụ máu nhu mô não thùy trái hai bên, thùy thái dương và đỉnh bên trái, chảy máu màng nhện trong một sổ rãnh cuộn não thùy trán hai bên chảy máu ở bể quanh cầu não hai bên phù nề, tụ máu phần mềm dưới da vùng mắt, trán bên trái, gãy cung xương sườn 6-8 bên trái.

Ngày 23/11/2025, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T tiến hành khám nghiệm hiện trường, kết quả:

Đoạn đường xảy ra tai nạn tại Km 18 + 500 Quốc lộ B, thuộc thôn T, xã Q, tỉnh Tuyên Quang, đoạn đường trải Asphalt bằng phẳng, đường thẳng có hướng hơi dốc về phía trung tâm xã Q tầm nhìn của lái xe không bị hạn chế. Mặt đường nhựa có vạch sơn đứt màu vàng chia đường thành 02 làn. Mặt đường nhựa rộng

6,52m. Lề phải hướng N - B sát lề đường là bê tông xi măng rộng 0,85m, lề trái có chiều rộng 0,96m".

Ngày 04/02/2026 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T tiến thực nghiệm điều tra và Nguyễn Văn T khai nhận:

Trước khi xảy ra va chạm Nguyễn Văn T điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 23H-017.15 đi từ xã Q đi về hướng xã B. Khoảng 18 giờ 30 phút, T đi đến K + 500 Quốc lộ B, thuộc thôn T, xã Q, tỉnh Tuyên Quang thì nhìn thấy Tráng Văn Đ1 đi bộ ở mép đường bên phải theo hướng đi của T. Khi quan sát thấy Tráng Văn Đ1 đi bộ tại phần đường bên phải, cách mép đường 0,20m, cách xe ô tô Toản đang điều khiển 26,7m, lúc này có 01 xe ô tô tải đi ngược chiều, T cho rằng Tráng Văn Đ1 sẽ không đi sang đường nên chỉ chú ý quan sát xe ô tô tải đi ngược chiều, không chú ý quan sát Tráng Văn Đ1, nên không giảm tốc độ mà vẫn tiếp tục di chuyển với tốc độ 66km/h, khi đến gần thì mới phát hiện Tráng Văn Đ1 đã đi ở gần giữa lòng đường T không kịp xử lý nên bên phải đầu xe ô tô đã va chạm vào Tráng Văn Đ1.

Ngày 15/12/2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T ra Quyết định trưng cầu giám định Pháp y tử thi số: D426/QĐ-VPCQCSĐT, trưng cầu Phòng K Công an tỉnh T, giám định các dấu vết thương tích trên cơ thể và xác định nguyên nhân chết đối với tử thi Tráng Văn Đ1, sinh năm 1950, trú tại thôn T, xã Q, tỉnh Tuyên Quang.

Tại Bản kết luận giám định tử thi số 04/KLGĐTT-KTHS ngày 12/01/2026 của Phòng K Công an tỉnh T, kết luận:

Tráng Văn Đ1 chết do chấn thương sọ não cấp cứu và điều trị không hồi phục, trên người đa vết thương.

Ngày 03/02/2026 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đã ra Quyết định trưng cầu giám định số: D114/QĐ-VPCQCSĐT, trưng cầu Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới tỉnh Tuyên Quang, giám định: *Các thông số kỹ thuật và hệ thống an toàn của xe ô tô BKS 23H-017.15.*

Tại bản Kết luận giám định số 22/KL-TTĐK&ĐKXCG, ngày 25/02/2026 của Trung tâm Đ4 - Sở xây dựng tỉnh T, kết luận: *Chứng nhận ATKT&BVMT của xe ô tô con biển kiểm soát 23H-017.15 còn hiệu lực, có hiệu lực đến ngày 22/08/2026. Các hệ thống phanh, hệ thống treo, hệ thống lái, hệ thống truyền lực, hệ thống di chuyển, hệ thống nhiên liệu, hệ thống điện, hệ thống đèn chiếu sáng tín hiệu, tổng thành của phương tiện đầy đủ các bộ phận lắp đặt chắc chắn, tình trạng hoạt động bình thường*.

Ngày 17/12/2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đã ra Quyết định trưng cầu giám định số: D430/QĐ-VPCQCSĐT, trưng cầu Phòng K Công an tỉnh T, giám định kỹ thuật số và điện tử.

Tại bản kết luận giám định số 50/KL-KTHS ngày 04/01/2026 của Phòng K Công an tỉnh T, kết luận: *Không tìm thấy dấu vết cắt, ghép, chỉnh sửa nội dung trong file video gửi giám định.*

Ngày 17/12/2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đã ra Yêu cầu định giá tài sản số: D713/YC-VPCQCSĐT, đề nghị Hội đồng định giá tài sản

trong tố tụng hình sự xã Q, tỉnh Tuyên Quang, tiến hành định giá tài sản các bộ phận bị hư hỏng của xe ô tô BKS 23H-017.15.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐG, ngày 15/01/2026 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự xã Q, tỉnh Tuyên Quang kết luận: Tổng giá trị phụ tùng hư hỏng của xe ô tô biển kiểm soát 23H-017.15 là 3.050.000 đồng.

Ngày 13/4/2026 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đã ra Quyết định trưng cầu giám định số: D390/QĐ-VPCQCSĐT, trưng cầu Phòng K Công an tỉnh T, giám định tài liệu (*giấy phép lái xe ô tô*).

Tại Bản kết luận giám định số 725/KL-KTHS, ngày 22 tháng 4 năm 2026 của Phòng K, Công an tỉnh T, kết luận: *Giấy phép lái xe cần giám định (ký hiệu A) là giấy phép thật.*

Ngày 13/4/2026 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đã ra Quyết định trưng cầu giám định số: D391/QĐ-VPCQCSĐT, trưng cầu V1 - Bộ Q giám định các nội dung:

Các mẫu ký hiệu M1, M2 có phải máu người không? Nếu phải thì phân tích ADN và so sánh với ADN mẫu máu tử thi Tráng Văn Đ1, ký hiệu A.

Các tổ chức chất nhầy thu ở chân cột kính A xe ô tô biển kiểm soát 23H-017.15 có phải sinh phẩm người không? Phân tích ADN và so sánh với ADN mẫu máu tử thi Tráng Văn Đ1, ký hiệu A

Kết luận giám định sinh học (ADN): Tại bản Kết luận giám định số: HT288.26/PY-XNSH, ngày 07 tháng 5 năm 2026 của V1, kết luận:

Mẫu máu thu giữ tại vị trí số 1, 2 (ký hiệu M1, M2) là máu người, có ADN nhiễm sắc thể thường trùng khớp với ADN nhiễm sắc thể thường từ mẫu máu của Tráng Văn Đ1, ký hiệu A.

Mẫu chất nhầy màu vàng, đục thu ở đầu chân cột kính A xe ô tô BKS 23H-017.15 (ký hiệu M3) giám định là sinh phẩm của người; có ADN nhiễm sắc thể thường trùng khớp với ADN nhiễm sắc thể thường từ mẫu máu của Tráng Văn Đ1, ký hiệu A.

Với nội dung trên, tại Cáo trạng số 14/CT-VKSKV5 ngày 18 tháng 6 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 –Tuyên Quang truy tố Nguyễn Văn T về tội: Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025.

Tại phiên toà, bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Tuyên Quang đã truy tố.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Tuyên Quang vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với Nguyễn Văn T về tội " Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ ".

Về điều luật và hình phạt: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260, Điều 50, Điều 65, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 18 tháng đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 42 tháng. Thời gian chấp hành hình phạt của

bị cáo kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách, trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội với lỗi vô ý, bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đồng thời đã phải chịu sự giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo nên không áp dụng khoản 5 Điều 260 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo Nguyễn Văn T đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường dân sự cho người đại diện hợp pháp của ông Tráng Văn Đ1 là ông Tráng Văn M (con đẻ của ông Đ1), số tiền 90.000.000 đồng, đại diện gia đình ông Đ1 không yêu cầu Nguyễn Văn T phải bồi thường thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, do vậy không đề cập giải quyết

Về xử lý vật chứng: Vật chứng đã được xử lý xong, đúng theo quy định của pháp luật. Do vậy, không yêu cầu xử lý.

Bị cáo nhất trí với bản luận tội của Kiểm sát viên và trong lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo để có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Tuyên Quang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; tại phiên toà Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người đại diện hợp pháp của bị hại và người làm chứng, những người vắng mặt này đều có đơn xin xét xử vắng mặt). Xét thấy, người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên toà đã có lời khai trong hồ sơ vụ án. Trên cơ sở ý kiến của Kiểm sát viên và xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về hành vi của bị cáo: Khoảng 18 giờ 31 phút ngày 23/11/2025, Nguyễn Văn T có giấy phép lái xe, điều khiển xe ô tô taxi Xanh, biển kiểm soát 23H-017.15, lưu thông trên Quốc lộ B theo hướng N - B. Khi đến Km 18 + 500 thuộc thôn T, xã Q, tỉnh Tuyên Quang, T nhìn thấy ông Tráng Văn Đ1 đang đi bộ ở mép

đường bên phải theo hướng di chuyển của T, cách xe ô tô khoảng 26,70m. Lúc này có một xe ô tô tải đi ngược chiều. Theo lời khai của T tại thực nghiệm điều tra, do cho rằng ông Đ1 sẽ không đi sang đường nên T tập trung quan sát xe ô tô tải đi ngược chiều, không tiếp tục quan sát ông Đ1 và không giảm tốc độ. T tiếp tục điều khiển xe với tốc độ 66 km/h. Khi phát hiện ông Đ1 đã đi gần giữa lòng đường, khoảng cách giữa xe ô tô và ông Đ1 chỉ còn 2,86m, T đánh lái sang trái nhưng không kịp tránh, phần đầu bên phải xe ô tô đã va chạm với ông Đ1. Sau tai nạn, ông Đ1 được đưa đi cấp cứu, điều trị đến ngày 15/12/2025 thì tử vong. Lời khai của bị cáo về diễn biến tai nạn phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường và kết quả thực nghiệm điều tra thể hiện trong hồ sơ, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hiện trường xác định đoạn đường xảy ra tai nạn là đường thẳng, mặt đường bằng phẳng, tầm nhìn của người điều khiển phương tiện không bị hạn chế; mặt đường rộng 6,52m và có vạch sơn đứt màu vàng chia đường thành hai làn. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định trong khi điều khiển xe ô tô, bị cáo đã quan sát không đầy đủ diễn biến của người đi bộ đang sang đường, không thực hiện việc giảm tốc độ để bảo đảm an toàn mà tiếp tục điều khiển xe với tốc độ 66 km/h; khi phát hiện người đi bộ ở khoảng cách 2,86m mới xử lý tránh nhưng không kịp, dẫn đến va chạm.

[4] Về hành vi vi phạm quy định về an toàn giao thông: Khoản 3 Điều 12 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024 quy định người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải quan sát, giảm tốc độ hoặc dừng lại để bảo đảm an toàn tại nơi mà người đi bộ đang qua đường. Hồ sơ vụ án thể hiện tại thời điểm xảy ra tai nạn, ông Tráng Văn Đ1 đang đi bộ sang đường; bị cáo đã nhìn thấy ông Đ1 từ khoảng cách 26,70m nhưng không tiếp tục quan sát, không giảm tốc độ mà vẫn điều khiển xe với tốc độ 66 km/h. Khi khoảng cách chỉ còn 2,86m, bị cáo mới đánh lái để tránh nhưng không kịp. Mặc dù hiện trường được xác định có vạch sơn đứt màu vàng chia đường thành hai làn, hồ sơ không thể hiện đây là vạch dành cho người đi bộ. Tuy nhiên, căn cứ quy định tại điểm a khoản 3 Điều 12 nêu trên, nghĩa vụ quan sát, giảm tốc độ hoặc dừng lại còn được đặt ra tại nơi mà người đi bộ đang qua đường. Do đó, hành vi của bị cáo không tiếp tục quan sát, không giảm tốc độ khi đã phát hiện người đi bộ đang sang đường là hành vi vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ.

[5] Về hậu quả và quan hệ nhân quả: Hành vi không quan sát đầy đủ và không giảm tốc độ của bị cáo đã làm cho bị cáo không kịp xử lý khi ông Đ1 đi vào phần đường xe ô tô đang di chuyển. Mặc dù bị cáo đã đánh lái sang trái để tránh nhưng do khoảng cách chỉ còn 2,86m nên không thể tránh được va chạm. Đây là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến việc xe ô tô do bị cáo T điều khiển va vào ông Đ1. Theo Bản kết luận giám định tử thi số 04/KLGĐTT-KTHS ngày 12/01/2026 của Phòng K Công an tỉnh T, ông Tráng Văn Đ1 chết do chấn thương sọ não cấp cứu và điều trị không hồi phục, trên người có đa vết thương. Do đó, có đủ căn cứ xác định hành vi vi phạm quy định về an toàn giao thông của bị cáo có quan hệ nhân quả trực tiếp gây ra hậu quả làm ông Tráng Văn Đ1 tử vong.

[6] Về tội danh: Bị cáo Nguyễn Văn T là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Trong khi tham gia giao thông đường bộ, bị cáo đã không tuân thủ quy định về quan sát, giảm tốc độ để bảo đảm an toàn khi người đi bộ đang qua đường, dẫn đến vụ tai nạn giao thông, hậu quả làm một người chết. Hành vi của bị cáo đã vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ, gây hậu quả làm chết người. Vì vậy, có đủ căn cứ xác định bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ", quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

[7] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự, an toàn giao thông đường bộ và tính mạng của người khác. Bị cáo điều khiển phương tiện cơ giới tham gia giao thông nhưng thiếu chú ý quan sát, không giảm tốc độ khi người đi bộ đang sang đường, dẫn đến hậu quả làm một người tử vong. Tuy nhiên, bị cáo thực hiện hành vi với lỗi vô ý; sau khi xảy ra tai nạn đã tích cực phối hợp giải quyết hậu quả, tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại. Do đó, khi quyết định hình phạt cần xem xét đầy đủ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, hậu quả đã xảy ra cũng như các tình tiết có lợi cho bị cáo.

[8] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Văn T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[9] Về tình tiết giảm nhẹ và nhân thân: Trước khi mở phiên tòa, bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 90.000.000 đồng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Hội đồng xét xử xem xét đây là tình tiết khác để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt. Các yếu tố về nhân thân của bị cáo được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt và xem xét điều kiện cho hưởng án treo theo quy định của pháp luật.

[10] Về hình phạt: Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, hậu quả làm một người tử vong, lỗi vô ý của bị cáo; đồng thời xét bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, được người đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo chấp hành các yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, không bỏ trốn, không có hành vi cản trở hoạt động tố tụng và trong thời gian được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đã chấp hành các nghĩa vụ theo quy định. Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo trong vụ án là phù hợp, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có khả năng tự cải tạo và không cần thiết phải cách ly khỏi đời sống xã hội. Việc cho bị cáo được hưởng án treo vẫn bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời đáp ứng yêu cầu giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Do đó, có căn cứ áp dụng Điều 65 Bộ luật

Hình sự và các quy định của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về án treo, xử phạt bị cáo mức hình phạt tù tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

[11] Về hình phạt bổ sung: Mặc dù bị cáo làm nghề lái xe và hành vi phạm tội xảy ra trong quá trình điều khiển xe ô tô, nhưng xét hành vi phạm tội của bị cáo là do lỗi vô ý, bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đồng thời đã phải chịu sự giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo, Hội đồng xét xử xét thấy chưa cần thiết phải áp dụng thêm hình phạt cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định đối với bị cáo để đạt mục đích giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 260 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[12] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi vụ án xảy ra, bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 90.000.000 đồng. Người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm. Do đó, Hội đồng xét xử xác định các bên không còn yêu cầu gì khác về trách nhiệm dân sự nên không xem xét giải quyết

[13] Về thiệt hại đối với xe ô tô: Xe ô tô biển kiểm soát 23H-017.15 bị thiệt hại 3.050.000 đồng. Chủ sở hữu xe không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về khoản thiệt hại này.

[14] Về vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đã xử lý, trả lại xe ô tô, giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường và giấy phép lái xe cho các chủ thể có liên quan theo các quyết định xử lý đồ vật, tài liệu. Xét thấy việc xử lý các đồ vật, tài liệu nêu trên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, xử lý lại trong bản án.

[15] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 260, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 65 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 và Điều 337 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 13/8/2026);

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Luật thi hành án hình sự;

"Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo".

3.Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)* án phí Hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 và Điều 36 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 5-Tuyên Quang;
- Công an tỉnh Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Phòng PV06 Công an tỉnh TQ;
- Công an xã Tân Trịnh;
- UBND xã Tân Trịnh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Bộ phận THA hình sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Hà Tuấn Vĩnh